TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2022/ DSST
Ngày 23/09/2022
V/v tranh chấp HĐ mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Bà Phạm Thị Lệ Hoa

2/ - Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 23 tháng 09 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2021/ TLST- DS ngày 22 tháng 03 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Tấn C**, sinh năm: 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ T, xã T Đ A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Chị **Trần Thị Thanh N** (vắng mặt)

Anh **Ngô Chí T** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 191, ấp K 8B, xã T Đ A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn C trình bày: Nguyên trước đây tôi có bán thiếu vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) cho vợ chồng chị Trần Thị Thanh N, anh Ngô Chí T để làm lúa. Sau đó đến ngày 12/10/2020 hai bên ngồi tính toán nợ với nhau, cụ thể là bà Trần Thị Thanh N thừa nhận còn thiếu nợ của tôi số tiền phân bón, thuốc trừ sâu là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Chị N có ký biên nhận nợ với tôi vào ngày 12/10/2020, chị N, anh T có thỏa thuận sẽ trả hết nợ gốc cho tôi sau khi làm lúa xong. Nhưng sau khi làm lúa xong thì chị N, anh T không trả nợ gốc tiền phân bón, thuốc trừ sâu cho tôi mặc dù tôi có đến nhà chị N, anh T đòi nợ nhiều lần nhưng chị N, anh T chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay tại phiên tòa, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp giải quyết buộc vợ chồng chị Trần Thị Thanh N, anh Ngô Chí T trả nợ cho tôi số tiền gốc phân bón và thuốc trừ sâu là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Bị đơn chị Trần Thị Thanh N, anh Ngô Chí T trình bày: vợ chồng chị Trần Thị Thanh N, anh Ngô Chí T vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** chị Trần Thị Thanh N, anh Ngô Chí T với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay, chị N và anh T vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn chị Trần Thị Thanh N, anh Ngô Chí T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Thanh N, anh Ngô Chí T là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa ông Nguyễn Tấn C với chị Trần Thị Thanh N, anh Ngô Chí T là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn C yêu cầu vợ chồng chị Trần Thị Thanh N, anh Ngô Chí T trả nợ cho ông C số tiền gốc phân bón và thuốc trừ sâu là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì nguyên vào lúc trước ông C có bán thiếu phân bón và thuốc trừ sâu cho vợ chồng chị N, anh T số tiền gốc là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), sau đó đến ngày 12/10/2020 hai bên ngồi tính toán nợ với nhau thì vợ chồng chị N, anh T có làm biên nhận nợ 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) với ông C vào ngày 12/10/2020, và vợ chồng chị N, anh T có thỏa thuận với ông C là sau khi thu hoạch lúa xong sẽ trả hết nợ gốc cho ông C. Đến hạn trả nợ là sau khi thu hoạch lúa xong thì vợ chồng chị N, anh T vẫn không trả tiền nợ gốc phân bón, thuốc trừ sâu cho ông C và ông C nhiều lần đến nhà vợ chồng chị N, anh T đòi nợ nhưng vợ chồng chị N, anh T chỉ hứa chứ không trả nợ cho ông C.

Nay tại phiên tòa ông Nguyễn Tấn C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn vợ chồng chị Trần Thị Thanh N, anh Ngô Chí T trả nợ cho ông Nguyễn Tấn C số tiền gốc phân bón và thuốc trừ sâu là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Lời yêu cầu của ông C phù hợp với Điều 430, Điều 434, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của ông C được chấp nhận nên ông C không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông C số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng) theo biên lai thu số

0008261 ngày 15/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc chị Trần Thị Thanh N, anh Ngô Chí T phải nộp: 40.000.000đ x 5% = 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 430, Điều 434, Điều 440 Bộ Luật Dân Sự năm 2015; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn C.

3/ Buộc chị Trần Thị Thanh N, anh Ngô Chí T trả cho ông Nguyễn Tấn C số tiền nợ gốc phân bón và thuốc trừ sâu là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Trần Thị Thanh N, anh Ngô Chí T nộp 2.000.000đ (hai triệu đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Tấn C số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng) theo biên lai thu số 0008261 ngày 15/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho ông Nguyễn Tấn C biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho chị Trần Thị Thanh N, anh Ngô Chí T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Lê Quang Nhật